

Số: 13 /BC-HDQT

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

I. Thông tin chung:

1. Thông tin tổng quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300321643
- Vốn điều lệ: 90.781.180.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 361.751.275.435 đồng
- Địa chỉ: 48 Phạm Xuân Hòa – TP Quảng Ngãi – Tỉnh Quảng Ngãi
- Số điện thoại: 055 3822536 - 3822529
- Số fax: 055 3822060
- Website: <http://www.apfco.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày thành lập: Công ty Cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi) theo Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 25/12/2003 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000019 ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 14 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh và lần hiệu chỉnh gần nhất vào ngày 07 tháng 8 năm 2013).

- Niêm yết: Công ty chưa niêm yết.

- Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay: Từ khi thành lập đến nay Công ty không ngừng mở rộng sản xuất kinh doanh, cụ thể:

+ Năm 2004: Đưa dự án ĐTXD Nhà máy SX Tinh bột mì Sơn Hải – Sơn Hà (Nay là Nhà máy SX Tinh bột mì Quảng Ngãi - cơ sở 2) vào hoạt động.

+ Năm 2005: Mua Nhà máy SX Tinh bột sắn Đăk Tô – Kon Tum.

+ Năm 2006: Đưa dự án ĐTXD Nhà máy SX Tinh bột sắn Đồng Xuân vào hoạt động.

+ Năm 2008: Mua Nhà máy SX Tinh bột sắn Tân Châu – Tây Ninh và Chợ Quảng Ngãi.

+ Năm 2010: Mua Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Mang Yang.

+ Năm 2012: Đưa dự án ĐTXD Nhà máy Cồn Đắk Tô vào hoạt động.

+ Năm 2013: Mua Nhà máy sản xuất tinh bột sắn An Khê.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất và kinh doanh tinh bột sắn và các sản phẩm sau tinh bột (tinh bột biến tính, cồn ethanol); Sản xuất, chế tạo, gia công, lắp đặt thiết bị cơ khí; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; May mặc xuất khẩu; Kinh doanh tổng hợp: Đường, bia, rượu, thuốc lá điếu, sữa, sắn lát khô, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lâm sản chế biến, hải sản, nam dược, phân bón, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất; Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp; Đại lý mua bán hàng hóa; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Đầu tư kinh doanh khai thác và quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; Cho thuê văn phòng làm việc, kho, bãi; Xuất khẩu tín chỉ chứng nhận giảm thiểu phát thải; Tư vấn công nghệ, đầu tư xây dựng và chuyển giao hệ thống xử lý nước thải, thu hồi khí BIOGAS; Sản xuất và kinh doanh cồn thực phẩm.

- Địa bàn kinh doanh:

Các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

Các nước trong khu vực như: Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi có trụ sở chính tại số 48 Phạm Xuân Hòa, Thành phố Quảng Ngãi. Ngoài các phòng ban của Công ty, Công ty còn có:

07 cơ sở hạch toán phụ thuộc;

01 Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh;

01 Công ty con hạch toán độc lập (100% vốn của Công ty):

Công ty TNHH MTV Chế biến bột sắn Se Pôn

Địa chỉ: Bản Aly KenThong, Huyện Sê Pôn, Tỉnh Savannakhet, Lào.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh Tinh bột sắn

Vốn điều lệ đăng ký: 1.164.633 USD

Đã thực góp đến 31/12/2013: 17.612.156.198 Đồng

01 Công ty liên kết:

Công ty cổ phần May Đông Thành

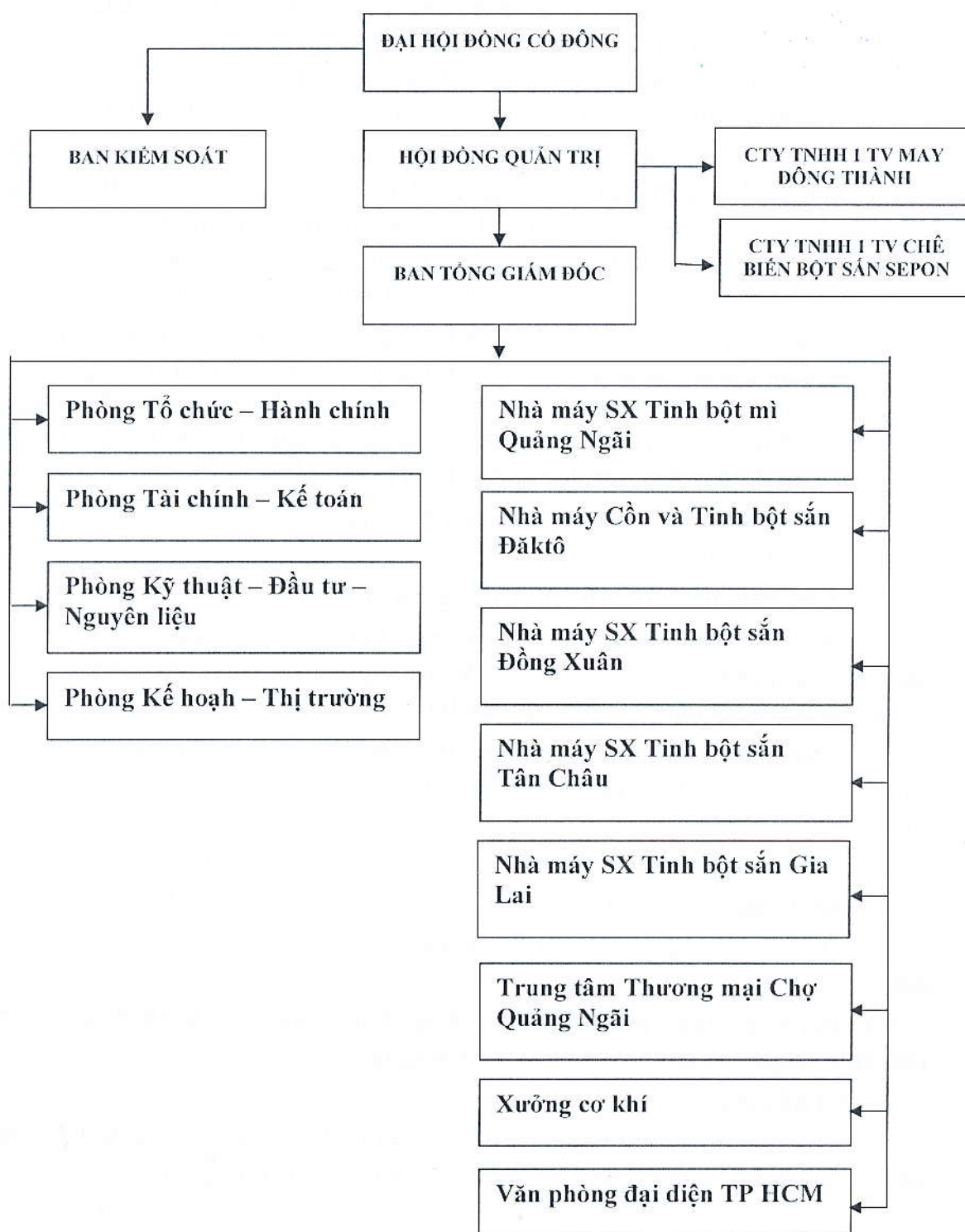
Địa chỉ: 32 Lê Văn Sỹ, Thành phố Quảng Ngãi

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, gia công hàng may mặc

Vốn điều lệ thực góp: 1.287.500.000 Đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 32,19%

Sơ đồ tổ chức của Công ty:



5. Định hướng phát triển:

* Mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, kinh doanh có hiệu quả, lợi nhuận ngày càng tăng, đem lại hiệu quả, lợi ích kinh tế cho nhà đầu tư, ổn định công việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt chính sách thuế đối với Nhà nước.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung đầu tư nguồn lực về con người và tài chính để mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm Tinh bột sắn và Cồn thực phẩm, phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất và cung cấp tinh bột sắn hàng đầu khu vực.

- Chuẩn bị điều kiện kỹ thuật, con người để sản xuất Ethanol nhiên liệu theo Quyết định số 177/2007/QĐ-TTg ngày 20/11/2007 về việc phê duyệt “Đề án phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2025” và Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 về việc ban hành “Lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống” của Thủ tướng Chính phủ.

- Sản xuất tinh bột biến tính là hướng đi lâu dài của Công ty nhằm tăng tính hiệu quả, tăng giá trị cũng như tính cạnh tranh. Căn cứ vào thị trường, khách hàng cụ thể đầu tư phát triển các sản phẩm tinh bột biến tính đáp ứng nhu cầu công nghiệp và thực phẩm. Mục tiêu từ năm 2016 đến năm 2018 đầu tư tại khu vực tỉnh Gia Lai và tỉnh Phú Yên để đạt tổng sản lượng bột biến tính 60.000 tấn.

- Đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy chế biến tinh bột sắn Sê Pôn – Lào (Nhà máy của Công ty con)

* Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Xác định việc đầu tư cho xử lý môi trường là trách nhiệm xã hội nhằm đảm bảo phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy ngay trong năm 2014 sẽ triển khai đầu tư ép sấy bã đến cuối năm 2015 hoàn thành trong tất cả các Nhà máy toàn Công ty.

- Luôn cập nhật các giải pháp xử lý môi trường mới phục vụ trước mắt cũng như lâu dài. Đầu tư kinh phí thích đáng đến năm 2015 tất cả các Nhà máy xả thải đạt chuẩn.

- Giai đoạn 2016 – 2018 nghiên cứu, tính toán áp dụng công nghệ mới để tiết kiệm nước trong sản xuất và tiết kiệm tài nguyên đất trong xử lý môi trường.

- Thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng thông qua đóng góp các phúc lợi xã hội.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty:

* Thế giới:

- Giá ngô tại Trung Quốc thấp so với cùng kỳ 10% và đồng nhân tệ giảm giá so với đồng USD nên ảnh hưởng đến giá xuất khẩu sang Trung Quốc.

- Đồng Bath mất giá làm giá xuất khẩu tinh bột sắn của Thái Lan cạnh tranh với Việt Nam.

*** Trong nước:**

- Chi phí: điện, tiền lương và vận chuyển đều tăng.
- Thời tiết khô hạn kéo dài ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng sắn.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Diễn giải	ĐVT	TH 2012	Năm 2013		So sánh (%)	
				KH	TH	TH2013/ TH2012	TH2013/ KH2013
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.401.366	2.100.000	2.254.704	93,89	107,37
2	Lãi ròng	Tr.đồng	154.988	70.000	124.939	80,61	178,48
3	Cổ tức	Đồng/CP	9.964,98	5.000	8.040,65	80,69	160,81
4	Thành Phẩm						
4.1	Thành phẩm còn	M3	13.940	15.000	9.725	69,76	64,83
4.2	TP tinh bột sắn	Tấn	240.085	222.000	232.502	96,84	104,73

Hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với kế hoạch do tăng sản lượng tiêu thụ, riêng sản lượng sản xuất mặt hàng còn không đạt kế hoạch là do thị trường còn xuất và tiêu thụ nội địa gặp khó khăn, giá giảm liên tục nên Công ty đã chủ động giảm sản lượng sản xuất theo nhu cầu khách hàng.

2. Tổ chức và nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành:

• **Ông: Võ Văn Danh**

Ngày tháng năm sinh : 20/10/1961
Địa chỉ thường trú : 295 Phan Đình Phùng, TP Quảng Ngãi
Số CMDN : 211222371
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 055 3822536
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 374.301CP, tỷ lệ: 4,12%

- **Ông: Ngô Văn Tươi**

Ngày tháng năm sinh	:	06/8/1958
Địa chỉ thường trú	:	67 Phạm Xuân Hòa, TP Quảng Ngãi
Số CMDN	:	210025126
Dân tộc	:	Kinh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Điện thoại liên lạc	:	055 3822542
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Chủ tịch HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	:	Sở hữu: 181.522CP, tỷ lệ: 2,00%

- **Ông: Vũ Lam Sơn**

Ngày tháng năm sinh	:	15/8/1956
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 11 Phường Trần Phú, TP Quảng Ngãi
Số CMDN	:	212610392
Dân tộc	:	Kinh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Điện thoại liên lạc	:	055 3711995
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí
Chức vụ công tác hiện nay:		TV HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	:	Sở hữu: 319.749CP, tỷ lệ: 3,52%

- **Ông: Lê Tuấn Toàn**

Ngày tháng năm sinh	:	16/02/1962
Địa chỉ thường trú	:	99 Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi
Số CMDN	:	210643799
Dân tộc	:	Kinh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Điện thoại liên lạc	:	055 3819741
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ công tác hiện nay:		TV HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	:	Sở hữu: 250.282CP, tỷ lệ: 2,76%

- **Ông: Trần Ngọc Hải**

Ngày tháng năm sinh	:	01/01/1973
Địa chỉ thường trú	:	180 Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Số CMDN : 211925924
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 055 3819741
Chức vụ công tác hiện nay: TV HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 96.507CP, tỷ lệ: 1,06%

• **Bà: Bùi Thị Như Hoa**

Ngày tháng năm sinh : 20/10/1957
Địa chỉ thường trú : Phường Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
Số CMDN : 211966452
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 055 3822529
Chức vụ công tác hiện nay: TV HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 218.614CP, tỷ lệ: 2,41%
Chồng: Nguyễn Chính : Sở hữu: 115.042CP, tỷ lệ: 1,27% (Người liên quan)

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Tổng số CB CNV tại thời điểm 31/12/2013: 622 người.

+ Chính sách đối với người lao động:

• **Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

• **Chính sách đào tạo:**

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn hỗ trợ, khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

- Chính sách lương, thưởng:

Hàng năm Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt đơn giá tiền lương và thực hiện chính sách phân phối lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người. Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, định kỳ Công ty xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỹ luật để khen thưởng.

- Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ. Khi điều kiện sản xuất cho phép Công ty thường tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm đã thực hiện một số công trình theo KH đề ra nhằm nâng cao năng lực SX, tăng hiệu quả cho Công ty, cụ thể:

- Tiếp tục đầu tư thay thế, bổ sung để ổn định sản xuất còn;
- Đầu tư nâng công suất Nhà máy sản xuất Tinh bột sắn Đồng Xuân và Nhà máy sản xuất Tinh bột sắn An Khê lên 200 tấn SP/ngày.
- Chấm dứt hợp đồng đầu tư kinh doanh khai thác Chợ Quảng Ngãi.

Tuy nhiên còn hạn chế là:

- Việc đầu tư nghiên cứu xử lý môi trường chưa có giải pháp nào mới.
- Tiến độ thực hiện dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy An Khê lên 250 tấn SP/ngày chậm so với yêu cầu đặt ra, thiết bị thiếu đồng bộ, yêu cầu phải hiệu chỉnh, bổ sung để hoàn chỉnh.
- Việc nghiệm thu máy phát điện và quyết toán dự án còn chậm so với kế hoạch đề ra.

b. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Công ty TNHH 1TV Chế biến bột sắn Sê Pôn

Do dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến tinh bột sắn Sê pôn còn đang trong giai đoạn ĐTXD chưa bàn giao cho Công ty TNHH 1TV Chế biến bột sắn Sê Pôn nên trong năm 2013 Công ty không phát sinh doanh thu và chi phí SXKD.

Tình hình tài chính:

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2012	Tỷ lệ SS (%)
1	Tài sản ngắn hạn	4.586.715.962	1.057.383.142	433,78
	- Vốn bằng tiền	218.334.622	575.336.146	37,95
	- Các khoản phải thu	264.346.472	209.081.989	126,43
	- Hàng tồn kho	253.704.802	67.894.987	373,67
	- Tài sản ngắn hạn khác	3.850.330.066	205.070.020	1877,57
2	Tài sản dài hạn	12.596.093.191	883.767.203	1425,27
	- Nguyên giá tài sản cố định	3.811.102.497	691.589.427	551,06
	- Chi phí XDCB dở dang	8.731.083.190	192.177.776	4543,23
	- Tài sản dài hạn khác	53.907.504		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	17.182.809.153	1.941.150.345	885,19
1	Nợ ngắn hạn	290.233.091	565.333.332	51,34
2	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17.612.156.198	1.775.759.982	991,81
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-365.829.054	-46.191.887	791,98
4	Lợi nhuận sau thuế chưa PPhối	-353.751.082	-353.751.082	100,00
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	17.182.809.153	1.941.150.345	885,19

Công ty liên kết: Công ty CP May Đông Thành

Tổng doanh thu: 35.607.494.173 Đồng

Tổng chi phí: 35.140.744.380 Đồng

Lợi nhuận trước thuế: 466.749.793 Đồng

Tình hình tài chính:

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2012	Tỷ lệ SS (%)
1	Tài sản ngắn hạn	8.373.822.163	4.811.951.488	174,02%
	- Vốn bằng tiền	847.471.661	1.016.698.778	83,36%
	- Các khoản phải thu	5.717.742.476	1.349.421.092	423,72%
	- Hàng tồn kho	1.662.765.316	1.923.679.708	86,44%
	- Tài sản ngắn hạn khác	145.842.710	522.151.910	27,93%
2	Tài sản dài hạn	6.416.264.442	7.145.652.524	89,79%
	- Nguyên giá tài sản cố định	10.145.443.985	10.044.742.794	101,00%
	- Giá trị hao mòn lũy kế	- 3.833.882.879	-3.022.509.354	126,84%
	- Tài sản dài hạn khác	104.703.336	123.419.084	84,84%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	14.790.086.605	11.957.604.012	123,69%
1	Nợ ngắn hạn	8.658.008.850	5.599.376.980	154,62%
2	Nợ dài hạn	1.496.520.000	1.496.520.000	100,00%
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.000.000.000	4.000.000.000	100,00%

4	Quỹ đầu tư phát triển	209.438.268	145.422.511	144,02%
5	Quỹ dự phòng tài chính	79.456.517	48.474.170	163,92%
6	Lợi nhuận sau thuế chưa PPhối	346.662.970	667.810.351	51,91%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	14.790.086.605	11.957.604.012	123,69%

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.029.854.729.446	1.395.217.356.931	35%
Doanh thu thuần	2.395.616.231.823	2.251.974.751.812	-6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	162.085.037.858	124.741.101.190	-23%
Lợi nhuận khác	-7.096.451.782	198.267.449	-103%
Lợi nhuận trước thuế	154.988.586.076	124.939.368.639	-19%
Lợi nhuận sau thuế	137.239.751.478	104.373.162.793	-24%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	55%	70%	27%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,96	0,90	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,49	0,41	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,74	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,24	2,86	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	5,73	7,66	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,33	1,61	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,43	0,29	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,13	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,07	0,06	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. **Cổ phần:** Tổng số cổ phần tại thời điểm đang lưu hành tại thời điểm: 31/12/2013: 9.078.118 CP. Tất cả cổ phần được tự do chuyển nhượng.

b. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Diễn giải	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cơ cấu cổ đông lớn, cổ đông nhỏ		
	Cổ đông lớn	2.804.527	30,89%
	Cổ đông nhỏ	6.273.591	69,11%
2	Cơ cấu cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân		
	Cổ đông tổ chức	2.804.527	30,89%
	Cổ đông cá nhân	6.273.591	69,11%
3	Cơ cấu cổ đông trong nước, cổ đông nước		
	Cổ đông trong nước	9.078.118	100,00%
	Cổ đông nước ngoài	0	0,00%
4	Cổ đông Nhà nước, cổ đông khác		
	Cổ đông Nhà nước	2.804.527	30,89%
	Cổ đông khác	6.273.591	69,11%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nhằm tăng vốn lưu động đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh; Giảm áp lực về vốn vay ngân hàng. Năm 2013 Công ty đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức để tăng vốn điều lệ từ: 75.652.520.000 đồng lên 90.781.180.000 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2013 doanh thu và lãi ròng đạt và vượt kế hoạch, nhưng thấp hơn cùng kỳ năm trước do lợi nhuận từ tinh bột sắn 6 tháng cuối năm giảm.

- Về sản lượng tinh bột sắn toàn Công ty đạt vượt kế hoạch (105%) và đạt 97% so với năm 2012; hầu hết các Nhà máy đều đạt vượt kế hoạch đề ra (trừ Sêpon), trong đó đạt cao nhất là Nhà máy Đắk Tô (110%), Quảng Ngãi (107%). Nguyên nhân chủ yếu đối với các Nhà máy về sản lượng đạt kế hoạch do 6 tháng cuối năm điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế. Thấp hơn năm trước do nguyên liệu và thị trường năm 2013 gặp khó khăn.

- Về sản lượng cồn chỉ đạt 65% kế hoạch và bằng 70% năm 2012, nguyên nhân là thị trường cồn xuất khẩu và tiêu thụ nội địa gặp khó khăn, giá giảm liên tục nên Công ty đã chủ động giảm sản lượng sản xuất theo nhu cầu khách hàng.

- Về vốn: Được sự tín nhiệm của ngân hàng nên đảm bảo việc giải ngân và đáp ứng đủ nhu cầu vốn và kịp thời phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Về Chất lượng sản phẩm: Chất lượng sản phẩm Tinh bột sắn và Cồn thực phẩm năm 2013 đạt chỉ tiêu đề ra, đáp ứng nhu cầu thị trường đặc biệt nhu cầu thực phẩm.

- Về định mức kinh tế - kỹ thuật:
- + Định mức thu hồi hầu hết các Nhà máy đều đạt kế hoạch và tương đương năm 2012.
- + Chỉ tiêu tiêu hao điện các nhà máy đều có chương trình tiết kiệm điện và đạt kết quả tốt là Nhà máy Quảng Ngãi.
- + Vật tư, phụ tùng thay thế các Nhà máy đều thực hiện tốt kế hoạch.
- Về cảnh quan môi trường, Phòng chống cháy nổ và an toàn lao động:
- + Cơ bản các nhà máy xử lý nước thải đạt chuẩn theo qui định của Nhà nước.
- + Bãi sản tươi chủ yếu là phơi tự nhiên do đó vẫn ảnh hưởng đến môi trường.
- + Công tác VSCN, PCCC, ATLĐ được quan tâm nên trong năm không có sự cố nào đáng tiếc.
- Về lao động và quản lý điều hành: Về cơ bản công tác quản lý điều hành tại các đơn vị tương đối tốt, tuân thủ Pháp luật lao động, chấp hành sự chỉ đạo của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty, thực hiện tốt định biên lao động thường xuyên. Tuy nhiên còn một số hạn chế như sau: Thực hiện định biên lao động thời vụ tăng 15,43% so với KH (tăng 52 người), lao động gián tiếp còn nhiều;

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tỷ lệ SS (%)
1	Tài sản ngắn hạn	507.184.365.362	728.548.282.104	143,65%
	- Vốn bằng tiền	17.079.498.743	47.935.464.408	280,66%
	- Các khoản phải thu	211.659.131.525	248.520.617.789	117,42%
	- Hàng tồn kho	249.158.680.425	392.691.439.967	157,61%
	- Tài sản ngắn hạn khác	29.287.054.669	39.400.759.940	134,53%
2	Tài sản dài hạn	522.670.364.084	666.669.074.827	127,55%
	- Nguyên giá tài sản cố định	679.983.910.897	789.665.169.372	116,13%
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-230.888.677.880	-313.972.404.149	135,98%
	- Chi phí XDCB dở dang	68.183.355.545	178.003.170.171	261,07%
	- Đầu tư tài chính dài hạn	2.071.451.952	1.998.660.153	96,49%
	- Tài sản dài hạn khác	3.320.323.570	10.974.479.280	330,52%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.029.854.729.446	1.395.217.356.931	135,48%
1	Nợ ngắn hạn	529.080.402.870	813.900.412.682	153,83%
2	Nợ dài hạn	182.908.558.600	219.565.668.814	120,04%
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	75.652.520.000	90.781.180.000	120,00%
4	Thặng dư vốn cổ phần	36.534.952.620	36.534.952.620	100,00%
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-46.191.887	-365.829.054	791,98%
6	Quỹ đầu tư phát triển	113.387.272.817	138.260.846.216	121,94%
7	Quỹ dự phòng tài chính	18.913.130.000	22.695.295.000	120,00%
8	LN sau thuế chưa PPhối	73.424.084.426	73.844.830.653	100,57%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.029.854.729.446	1.395.217.356.931	135,48%

Qua tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty năm 2013, cho thấy tài sản Công ty thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn, nguyên nhân là do 6 tháng cuối năm 2013 thị trường tinh bột sắn không thuận lợi, sản lượng tiêu thụ và giá bán giảm dẫn đến lượng hàng tồn kho cuối năm tăng cao.

b. Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả đến 31/12/2013 cao hơn 31/12/2012 chủ yếu là do số dư nợ vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại tại thời điểm 31/12/2013 tăng 72,64% so với thời điểm 31/12/2012. Nguyên nhân số dư nợ vay ngắn hạn tăng cao là do giá trị hàng tồn kho và phải thu của khách hàng cuối năm tăng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Cơ cấu tổ chức, quản lý cũng như chính sách của người lao động đã đi vào ổn định. Công ty tiếp tục duy trì và củng cố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000, đồng thời công tác đánh giá chất lượng nội bộ theo quy chuẩn ISO được thực hiện một cách chặt chẽ.

- Đối với chính sách cho người lao động Công ty luôn đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trang bị quần áo, BHLĐ, bồi dưỡng độc hại của Công ty luôn được thực hiện thường xuyên, kịp thời và đúng quy định. Hàng năm Công ty tổ chức cho CBCNV tham quan, nghỉ mát,... trong và ngoài nước nhằm tái tạo sức lao động sau thời gian làm việc.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2014:

TT	Diễn giải	DVT	Kế hoạch năm 2014
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.400.000
2	Tổng khấu hao	Tr.đồng	85.000
3	Lãi ròng	Tr.đồng	70.000
4	Cổ tức	1.000d/CP	5.000
5	Thành Phẩm		
5.1	Thành phẩm còn	M3	20.000
5.2	Thành phẩm tinh bột	Tấn	264.000

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2013, Mặc dù tình hình thị trường đối với các sản phẩm chủ lực của Công ty có nhiều diễn biến phức tạp, nhưng với sự đoàn kết, nỗ lực từ HĐQT đến Ban điều hành cùng toàn thể công nhân viên lao động đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Các thành viên Ban giám đốc đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được giao, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động và nắm bắt thị trường xuất khẩu và nội địa.

- Ban Tổng Giám đốc đã điều hành và duy trì bộ máy hoạt động hiệu quả. Đã có những chính sách kịp thời và hợp lý để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định và hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Vùng nguyên liệu:

- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu:

+ Nhà máy Đồng Xuân: Tập trung mở rộng diện tích trồng sắn huyện Sơn Hòa; xã Xuân Lãnh, Đa Lộc huyện Đồng Xuân.

+ Nhà máy Gia lai: Tập trung mở rộng diện tích vùng Đắk Pơ và những vùng ưu tiên khai thác từ tháng 12 năm trước đến tháng 02 năm sau.

+ Duy trì mô hình phủ bạt, sơ kết đánh giá việc lan tỏa của mô hình vào việc trồng sắn của bà con nông dân, từng bước áp dụng giống mới và nhân rộng nếu đạt hiệu quả.

+ Tập trung đầu tư nguyên liệu Sepon: Ưu tiên quan hệ với chính quyền huyện, bản để được thuê đất trên 1.000ha. Nhà máy tổ chức trồng mỳ và quan hệ với các đối tác trực tiếp trồng, canh tác theo hướng cơ giới hóa nhằm từng bước chủ động nguyên liệu cho Nhà máy đồng thời tạo lan tỏa cho vùng nguyên liệu phát triển.

+ Nhà máy Cồn và Tinh bột sắn ĐắkTô: Tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng của Kon Tum hoàn thành đề án qui hoạch vùng nguyên liệu cho Nhà máy.

- Duy trì chính sách mua nguyên liệu theo đúng hợp đồng bao tiêu với nông dân, đúng thời vụ, phù hợp với công suất từng nhà máy, thanh toán tiền mua nguyên liệu ngay và cân đo độ bột, số lượng chính xác minh bạch.

3.2. Chất lượng sản phẩm:

- Tinh bột sắn: Tuyệt đối giữ vững ổn định chất lượng sản phẩm, cải tiến thiết bị để nâng cao một số chỉ tiêu chất lượng đáp ứng đơn hàng có yêu cầu cao của khách hàng.

- Cồn: Ổn định và cải tiến chất lượng theo yêu cầu của khách hàng, từng bước nâng dần và tạo thương hiệu sản phẩm cồn thực phẩm cho các năm tiếp theo.

3.3. Định mức kinh tế kỹ thuật.

- Tất cả các Nhà máy và đơn vị trực thuộc đều được giao định mức kinh tế kỹ thuật và quản lý bằng định mức kinh tế kỹ thuật.

- Từng Nhà máy, mỗi đơn vị và người lao động chủ động phát huy sáng kiến để tăng tỷ lệ thu hồi thành phẩm còn, tinh bột sắn và giảm tiêu hao điện, vật tư, phụ tùng thay thế.

3.4. Khách hàng và thị trường:

- Tiếp tục giữ vững và nâng cao thị phần ở thị trường Trung Quốc, khai thác thị trường Đài Loan, tìm kiếm mở rộng thị trường mới.

- Đối với thị trường nội địa: Tiếp tục phát huy các đại lý đã có đồng thời mở rộng đại lý mới, có phương pháp cung ứng thuận lợi nhằm tạo thế cạnh tranh cho khách hàng để tăng thị phần cho sản phẩm.

- Xác lập hệ thống khách hàng, thị trường cho sản phẩm còn

3.5. Cảnh quan, môi trường và ATLĐ:

- Ưu tiên kinh phí nghiên cứu, tìm tòi giải pháp mới về xử lý môi trường.

- Tăng cường công tác xử lý môi trường, đảm bảo nước thải ra môi trường đạt chuẩn theo qui định của Nhà nước.

- Thực hiện giải pháp sục khí, tách bùn khỏi nước thải.

- Đầu tư cảnh quan hợp lý để tiến tới môi trường sản xuất xanh sạch đẹp

- Công tác PCCC và ATLĐ: các đơn vị tiếp tục củng cố và duy trì tốt công tác PCCC và ATLĐ.

3.6. Công tác đầu tư phát triển:

- Tiếp tục đầu tư cho Nhà máy Còn, đi sâu vào làm chủ công nghệ.

- Đầu tư ép sấy bã toàn Công ty.

- Xúc tiến và thực hiện Dự án mới khi có tính khả thi cao.

3.7. Vốn và quản lý vốn:

- Đáp ứng vốn đúng, đủ và kịp thời cho đầu tư và sản xuất

- Kiểm soát chặt chẽ qui trình mua vật tư, chi phí sản xuất, phải tiết kiệm, chống lãng phí.

3.8. Lao động - Quản lý và điều hành:

- Tuân thủ pháp luật lao động cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, các Nhà máy chủ động sắp xếp, bố trí lao động trong lúc nghỉ vụ cho hợp lý.

- Thực hiện định biên lao động biên chế dài hạn, ngắn hạn, tính đến tính SX thời vụ. Ưu tiên việc điều chuyển lao động từ gián tiếp sang trực tiếp, lao động quản lý – kỹ thuật từ đơn vị này sang đơn vị khác khi có nhu cầu.

- Thực hiện chính sách động viên nghỉ trước tuổi đối với những người lao động không còn đáp ứng yêu cầu của Công ty.

- Có cơ chế quản lý, phân công trách nhiệm, xác lập quyền và nghĩa vụ từng khâu công việc nhằm phát huy cán bộ quản lý và đội ngũ kỹ thuật toàn Công ty.

- Khuyến khích khen thưởng về xử lý môi trường.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Võ Văn Danh	Chủ tịch HĐQT Cty kiêm Tổng Giám đốc	374.301	4,12%	
2	Ngô Văn Tươi	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	181.522	2,00%	
3	Vũ Lam Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	319.749	3,52%	
4	Lê Tuấn Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	250.282	2,76%	
5	Trần Ngọc Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	96.507	1,06%	
6	Bùi Thị Như Hoa	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	218.614	2,41%	
7	Trần Thanh Chương	Thành viên HĐQT	132.382	1,46%	

Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành: 01 đ/c (Ông: Trần Thanh Chương)

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT chỉ thành lập 01 tiểu ban đó là Tiểu ban Xây dựng cơ bản: gồm 5 thành viên:

Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong tiểu ban
1. Võ Văn Danh	Chủ tịch HĐQT Cty kiêm Tổng Giám đốc	Trưởng ban
2. Ngô Văn Tươi	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Ủy viên
3. Vũ Lam Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Ủy viên
4. Phạm Văn Lâm	Phó phòng KT-ĐT-NL Công ty	Ủy viên
5. Nguyễn Thị Thu Hà	Phó phòng TC-KT-TK Công ty	Ủy viên

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức 14 kỳ họp tại trụ sở chính của Công ty. Tại các phiên họp, đa số thành viên HĐQT tham dự đầy đủ, thành viên vắng mặt đều thông báo lý do. Các phiên họp đều có sự tham gia của Ban kiểm soát, cán bộ chuyên môn thuộc các tiểu ban của HĐQT. Các quyết định thông qua đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên.

Hội đồng quản trị đã ban hành 43 quyết định liên quan đến các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư, tổ chức, quản lý, nhân sự phù hợp với quy chế, quy định, Điều lệ Công ty và pháp luật, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	07/01/2013	Thay đổi tên gọi Nhà máy sản xuất Tinh bột sắn Mang Yang thành Nhà máy sản xuất Tinh bột sắn Gia Lai
2	02/QĐ-HĐQT	08/01/2013	Phê duyệt kế hoạch sản xuất 2012 kinh doanh 2012
3	03/QĐ-HĐQT	04/03/2013	Phê duyệt chủ trương mở rộng hệ thống xử lý môi trường và xử lý vỏ lụa sản xuất phân hữu cơ tại Nhà máy sản xuất Tinh bột sắn Đồng Xuân
4	04/QĐ-HĐQT	04/03/2013	Phê duyệt kế hoạch lao động - tiền lương 2013
5	05/QĐ-HĐQT	12/04/2013	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Đầu tư xe vận chuyển cùn tại Nhà máy Cùn và tinh bột sắn Đắktô
6	06/QĐ-HĐQT	23/04/2013	Ban hành quy định về trình tự thủ tục biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông
7	06A/QĐ-HĐQT	23/04/2013	Phê duyệt điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại Chợ Quảng Ngãi
8	06B/QĐ-HĐQT	23/04/2013	Phê duyệt thiết kế kỹ thuật: Nhà chợ chính Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại Chợ Quảng Ngãi
9	07/QĐ-HĐQT	27/04/2013	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Đầu tư xe vận chuyển cùn tại Nhà máy Cùn và tinh bột sắn Đắktô
10	08/QĐ-HĐQT	14/05/2013	Phê duyệt chủ trương đầu tư nâng công suất Nhà máy SX Tinh bột sắn Đồng Xuân lên 200 tấn SP/ngày
11	09/QĐ-HĐQT	14/05/2013	Ủy quyền quyết định đầu tư cho Tổng Giám đốc
12	10/QĐ-HĐQT	15/05/2013	Phê duyệt chủ trương đầu tư nâng công suất Nhà máy SX Tinh bột sắn Gia Lai
13	11/QĐ-HĐQT	20/05/2013	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công trình bổ sung, sửa chữa thiết bị ổn định công suất 100 tấn SP/ngày tại Nhà máy SX Tinh bột sắn Tân Châu
14	11A/QĐ-HĐQT	20/05/2013	Quyết định mua ô tô con
15	12/QĐ-HĐQT	29/05/2013	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành: Mở rộng kho chứa sản khô tại Nhà máy Cùn và tinh bột sắn Đắktô
16	14/QĐ-HĐQT	11/06/2013	Phê duyệt Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy SX Tinh bột sắn Đồng Xuân lên 200 tấn SP/ngày
17	15/QĐ-HĐQT	11/06/2013	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật mở rộng bãi đậu xe tại Nhà máy Cùn và Tinh bột sắn ĐắkTô
18	16/QĐ-HĐQT	11/06/2013	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước công nghệ tại Nhà máy Cùn và Tinh bột sắn Đắktô
19	17/QĐ-HĐQT	11/06/2013	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư nâng cấp

			hệ thống xử lý nước công nghệ tại Nhà máy SX Tinh bột sắn Gia Lai – Cơ sở 2
20	18/QĐ-HĐQT	11/06/2013	Phê duyệt tổng dự toán Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại Chợ Quảng Ngãi
21	19/QĐ-HĐQT	06/07/2013	Chỉ định đơn vị nhận thầu thi công: Nâng cấp hệ thống xử lý nước công nghệ tại Nhà máy Cồn và Tinh bột sắn Đăk Tô
22	20/QĐ-HĐQT	06/05/2013	Phê duyệt DA đầu tư Nhà máy SX Tinh bột sắn Gia Lai – Cơ sở 1
23	21/QĐ-HĐQT	06/05/2013	Phê duyệt DA đầu tư Nhà máy SX Tinh bột sắn Gia Lai – Cơ sở 2
24	22/QĐ-HĐQT	06/07/2013	Phê duyệt DA đầu tư nâng công suất Nhà máy SX Tinh bột sắn Gia Lai – Cơ sở 2 lên 200 tấn SP/ngày
25	23/QĐ-HĐQT	10/07/2013	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy SX Tinh bột sắn Đồng Xuân
26	24/QĐ-HĐQT	10/07/2013	Phê duyệt bổ sung dự toán: Đường ống cấp nước từ suối vào bể lắng sơ bộ, bể chứa nước công nghệ, đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước công nghệ tại Nhà máy SX Tinh bột sắn Gia Lai – Cơ sở 2
27	25/QĐ-HĐQT	10/07/2013	Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục: Cải tạo hồ số 1 thành bể cigar số 1 thuộc DABT nâng công suất Nhà máy SX Tinh bột sắn Gia Lai – Cơ sở 2 lên 200 tấn SP/ngày
28	26/QĐ-HĐQT	26/07/2013	Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2013 điều chỉnh
29	27/QĐ-HĐQT	31/07/2013	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Nâng công suất Nhà máy SX Tinh bột sắn Gia Lai – Cơ sở 2 từ 150 lên 200 tấn SP/ngày
30	28/QĐ-HĐQT	31/07/2013	Tăng vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức
31	29/QĐ-HĐQT	28/10/2013	Phê duyệt chủ trương đầu tư nâng cấp sản xuất bột biến tính tại Nhà máy SX Tinh bột sắn Tân Châu
32	30/QĐ-HĐQT	28/10/2013	Phê duyệt chủ trương đầu tư hệ thống ép sấy bã tươi tại Nhà máy SX Tinh bột sắn Tân Châu
33	31/QĐ-HĐQT	16/11/2013	Phê duyệt quyết toán BCKTKT: Đầu tư nâng cấp Nhà máy SX Tinh bột mì Quảng Ngãi – Cơ sở 2 lên 100 tấn SP/ ngày
34	32/QĐ-HĐQT	16/11/2013	Phê duyệt quyết toán BCKTKT: Đầu tư nâng cấp Nhà máy SX Tinh bột sắn Gia Lai – Cơ sở 1 phần Hệ thống xử lý nước thải
35	33/QĐ-HĐQT	16/11/2013	Phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán hạng mục: Hồ xử lý nước thải thuộc DA: Khuyến khích trồng và chế biến bột sắn tại Sepon - Lào
36	34/QĐ-HĐQT	16/11/2013	Phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán hạng mục: Nhà nghỉ công nhân thuộc DA: Khuyến khích trồng và chế biến bột sắn tại Sepon - Lào
37	35/QĐ-HĐQT	16/11/2013	Chỉ định đơn vị thi công hạng mục: Nhà nghỉ công nhân thuộc DA: Khuyến khích trồng và chế biến

			bột sắn tại Sepon - Lào
38	36/QĐ-HĐQT	16/11/2013	Chỉ định đơn vị thi công hạng mục: Hồ xử lý nước thải thuộc DA: Khuyến khích trồng và chế biến bột sắn tại Sepon - Lào
39	37/QĐ-HĐQT	20/11/2013	Phê duyệt BCKTKT: Đầu tư nâng cấp sản xuất bột biến tính tại Nhà máy SX Tinh bột sắn Tân Châu
40	38/QĐ-HĐQT	02/12/2013	Phê duyệt quyết toán dự án: ĐTXD hệ thống UASB-BIOGAS tại Nhà máy SX Tinh bột mì Quảng Ngãi – Cơ sở 1
41	39/QĐ-HĐQT	02/12/2013	Phê duyệt chủ trương đầu tư hệ thống ép sấy bã tươi tại Nhà máy SX Tinh bột mì Quảng Ngãi – Cơ sở 2
42	40/QĐ-HĐQT	04/12/2013	Phê duyệt BCKTKT đầu tư hệ thống ép sấy bã tươi tại Nhà máy SX Tinh bột sắn Tân Châu
43	41/QĐ-HĐQT	18/12/2013	Phê duyệt BCKTKT đầu tư hệ thống ép sấy bã tươi tại Nhà máy SX Tinh bột mì Quảng Ngãi – Cơ sở 2

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm qua tập trung ở các lĩnh vực sau đây:

- Công tác trả cổ tức:

Trả cổ tức năm 2012: Bằng cổ phiếu: 1.513.050 CP (tỷ lệ 5:1) và Bằng tiền mặt: 60.257.083.556 đ (7.965đ/CP).

Chi tạm ứng cổ tức năm 2013: 3.000đ/CP.

- Công tác xây dựng cơ bản:

Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo triển khai xây dựng các hạng mục xử lý môi trường và dây chuyền sản xuất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn tại Lào; Nâng công suất các Nhà máy: Đồng Xuân, Mang Yang, An Khê, Sơn Hà, Tân Châu; Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý môi trường tại các Nhà máy; Đầu tư xây dựng dây chuyền ép-sấy bã sắn tươi; Xây dựng bể xử lý nước công nghệ và kho chứa cón tại Nhà máy cón và sắn Đắk Tô.

- Công tác tổ chức quản lý:

Hội đồng quản trị chỉ đạo cán bộ quản lý Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật và các quy định của Công ty trong công tác tài chính, đầu tư phát triển vùng nguyên liệu sắn (mỳ), công tác xử lý môi trường, công tác PCCC và đặc biệt là nâng cao độ ổn định và một số chỉ tiêu chất lượng sản phẩm tinh bột sắn đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

- Công tác phối hợp:

Hội đồng quản trị luôn chủ động phối hợp với tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và Công đoàn của Công ty trong việc lập các kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nên đã tạo sự đoàn kết thống nhất cao trong toàn thể người lao động Công ty.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Ông: Trần Thanh Chương là thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tham gia tích cực vào công tác lãnh đạo của HĐQT, tham gia 11/14 cuộc họp của HĐQT, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến các vấn đề HĐQT đưa ra.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Trong năm Tiểu ban XDCB đã tổ chức 14 phiên họp với các nội dung sau:

- Chỉ định đơn vị thi công: Hệ thống cấp nước chữa cháy thuộc Báo cáo KTKT: Đầu tư mở rộng kho chứa sản khô tại Nhà máy cồn và tinh bột sắn ĐắkTô

- Thẩm định và trình HĐQT phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán: Cấp điện ngoài nhà, cấp điện trong nhà và chống sét thuộc Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại Chợ Quảng Ngãi.

- Thẩm định và trình HĐQT phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán: Sân và đường giao thông nội bộ thuộc Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại Chợ Quảng Ngãi.

- Thẩm định và trình HĐQT phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán: Hệ thống cấp nước thuộc Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại Chợ Quảng Ngãi.

- Chỉ định đơn vị nhận thầu thi công: Đầu tư mở rộng bãi đậu xe tại Nhà máy cồn và tinh bột sắn ĐắkTô.

Chỉ định đơn vị nhận thầu thi công: Bể lắng sơ bộ, bể chứa nước công nghệ tại Báo cáo KTKT: Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước công nghệ tại Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai (CS2)

Chỉ định đơn vị nhận thầu thi công: lắp đặt trạm biến áp 100KVA tại Trạm bơm cấp 1 thuộc Báo cáo KTKT: Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước công nghệ tại Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai (cơ sở 2).

- Chỉ định đơn vị thực hiện: Trạm bơm và điện hạ thế trạm bơm cấp 1, đường ống cấp nước từ suối vào bể lắng sơ bộ thuộc báo cáo KTKT: Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước công nghệ Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia lai (CS2)

- Phê duyệt dự toán mục: Phá dỡ móng bun ke, móng lồng bóc vỏ lụa, móng máy rửa và móng máy mài thuộc Dự án ĐTXD nâng công suất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân.

- Chỉ định đơn vị thi công: Đường công vụ, đào đắp hồ nước thải 1 và hồ cigas 2, bờ hồ 1, 2, 3, mương phân phối nước, hố gas, mương dẫn số 1, 2, cống BRT D100, móng máy bơm, hố gas trạm bơm số 2 thuộc Báo cáo KTKT: nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân.

- Chỉ định đơn vị thực hiện: Đường ống thu gas, phủ bạt hồ Cigas 2, đường ống HDPE, lắp đặt trạm bơm nước thải tại Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân
- Phê duyệt dự toán và chỉ định đơn vị thực hiện hạng mục: Cải tạo lò đốt Dự án ĐTXD nâng công suất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân.
- Chỉ định đơn vị thực hiện hạng mục: Trạm bơm (Phần điện) Báo cáo KTKT: nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân.
- Chỉ định đơn vị thực hiện hạng mục: Cải tạo Hồ số 1 thành bể Cigas số 1 Dự án Đầu tư nâng công suất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai lên 200 tấn SP/ngày.
- Phê duyệt dự toán và chỉ định đơn vị thực hiện hạng mục: Thùng chứa bột và đường ống dẫn bột Dự án Đầu tư nâng công suất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân.
- Phê duyệt dự toán và chỉ định đơn vị thực hiện hạng mục: Thiết bị phụ trợ lò đốt Dự án Đầu tư nâng công suất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân.
- Phê duyệt dự toán và chỉ định đơn vị thực hiện hạng mục: Thiết bị điện Dự án Đầu tư nâng công suất Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Đồng Xuân.
- Thẩm định và trình phê duyệt: Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục: Nhà chợ chính giai đoạn I (Phần kết cấu và kiến trúc) và chỉ định đơn vị thực hiện hạng mục: Nhà chợ chính giai đoạn I (Phần kết cấu và kiến trúc) Dự án ĐTXD Trung tâm thương mại Chợ Quảng Ngãi.
- Thẩm định và trình HĐQT phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán: Hệ thống phòng cháy chữa cháy thuộc Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại Chợ Quảng Ngãi.
- Thẩm định và trình HĐQT phê duyệt Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy SX Tinh bột sắn Đồng Xuân lên 200 tấn SP/ngày.
- Thẩm định và trình HĐQT phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư nâng cấp thiết bị tinh bột sắn ổn định công suất 90 tấn SP/ca tại Nhà máy Cồn và Tinh bột sắn ĐắkTô.
- Thẩm định và trình HĐQT phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật mở rộng bãi đậu xe tại Nhà máy Cồn và Tinh bột sắn ĐắkTô.
- Thẩm định và trình HĐQT phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư nâng cấp hệ thống nước công nghệ tại Nhà máy SX Tinh bột sắn Gia Lai – Cơ sở 2.
- Thẩm định và trình HĐQT phê duyệt Quyết toán vốn đầu tư xây dựng hoàn thành Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Bổ sung, sửa chữa thiết bị ổn định sản xuất 100 tấn SP/ngày tại Nhà máy sản xuất tinh bột mỳ Quảng Ngãi (CS2).

- Thẩm định và trình HĐQT phê duyệt Quyết toán vốn đầu tư xây dựng hoàn thành Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Đầu tư nâng cấp Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai (CS1) (Phần: nâng cấp hệ thống xử lý nước thải).

- Thẩm định và trình HĐQT phê duyệt Quyết toán vốn đầu tư xây dựng hoàn thành: Dự án đầu tư xây dựng hệ thống UASB-BIOGAS tại Nhà máy sản xuất tinh bột mỳ Quảng Ngãi.

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm. Tất cả đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Văn Lâm	Trưởng Ban kiểm soát	34.072	0,38%	
2	Lê Ngọc Hình	TV Ban kiểm soát	72.306	0,80%	
3	Nguyễn Văn Hiệp	TV Ban kiểm soát	16.908	0,19%	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2013 BKS đã thực hiện công tác giám sát việc điều hành hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính... của HĐQT và Ban điều hành, cụ thể:

- HĐQT triển khai nghị quyết ĐHCĐ, Tổng giám đốc triển khai thực hiện các quyết định của HĐQT.

- Xem xét tính hợp pháp và phù hợp với Điều lệ Công ty đối với Nghị Quyết, Quyết định của HĐQT, Quyết định của Ban Tổng giám đốc Công ty

- Giám sát Báo cáo tài chính của Công ty.

- Tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT.

- Giám sát việc công bố thông tin theo qui định của UBCK Nhà nước và Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2013, BKS đã tiến hành họp 2 lần để phân công nhiệm vụ của từng thành viên BKS, mỗi thành viên theo dõi giám sát việc thực hiện từng mặt công tác của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, tại cuộc họp các thành viên báo cáo về công tác giám sát do mình phụ trách, Đánh giá hoạt động giám sát của BKS.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2013 chỉ chi thù lao cho HĐQT, BKS cụ thể:

ĐVT: Đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền thù lao 2012	Ghi chú
1	Võ Văn Danh	Chủ tịch HĐQT	38.666.667	
2	Ngô Văn Tươi	Phó Chủ tịch HĐQT	32.133.333	
3	Vũ Lam Sơn	Thành viên HĐQT	27.733.333	
4	Lê Tuấn Toàn	Thành viên HĐQT	27.733.333	
5	Trần Ngọc Hải	Thành viên HĐQT	27.733.333	
6	Bùi Thị Như Hoa	Thành viên HĐQT	27.733.333	
7	Trần Thanh Chương	Thành viên HĐQT	27.733.333	
1	Phạm Văn Lâm	Trưởng Ban kiểm soát	27.733.333	
2	Lê Ngọc Hình	TV Ban kiểm soát	17.200.000	
3	Nguyễn Văn Hiệp	TV Ban kiểm soát	11.200.000	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Võ Văn Danh	Chủ tịch HĐQT Cty kiêm Tổng Giám đốc	311.918	4,12%	374.301	4,12%	Thưởng
2	Ngô Văn Tươi	Phó Chủ tịch kiêm Phó Tổng Giám đốc	151.269	2,00%	181.522	2,00%	Thưởng
3	Vũ Lam Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	266.458	3,52%	319.749	3,52%	Thưởng
4	Lê Tuấn Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty	206.902	2,73%	250.282	2,76%	Mua, thưởng
5	Trần Ngọc Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	80.423	1,06%	96.507	1,06%	Thưởng
6	Bùi Thị Như Hoa	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	180.512	2,39%	218.614	2,41%	Thưởng
7	Trần Thanh Chương	Thành viên HĐQT	110.319	1,46%	132.382	1,46%	Thưởng
8	Phạm Văn Lâm	Trưởng Ban kiểm soát	28.394	0,38%	34.072	0,38%	Thưởng
9	Lê Ngọc Hình	TV Ban kiểm soát	59.755	0,79%	72.306	0,80%	Mua, thưởng
10	Nguyễn Văn Hiệp	TV Ban kiểm soát	14.090	0,19%	16.908	0,19%	Thưởng

c. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính được kiểm toán xem tại website:
<http://www.apfco.com.vn>

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Võ Văn Danh